

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/DS-PT

Ngày: 13-02-2023

V/v tranh chấp ranh giới quyền sử
dụng đất và đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng

Bà Lê Thị Trúc Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:***
Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13/02/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc
thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 242/2022/TLPT- DS ngày 18
tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ranh giới QSD đất và đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án
nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 444/2022/QĐPT-DS ngày 15
tháng 12 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1950. (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm Cồng C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1972; (Có mặt)

2.2. Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1980; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm Cồng C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1977; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1981; (Có mặt)

3.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; (Có mặt)

3.4. Anh Lê Tấn Q, sinh năm 2000; (Vắng mặt)

3.5. Chị Lê Thị Huyền T, sinh năm 2006;

- *Người đại diện theo pháp luật* cho chị Huyền T là ông Lê Tấn Đ (Cha chị Huyền T), sinh năm 1980. (Có mặt)

3.6. Bà Lương Thị Ngọc L, sinh năm 1976; (Có mặt)

3.7. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm Còng C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Phạm Tấn Đ, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban thành phố H.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban thành phố H. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường T, khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Phước Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Nguyên đơn trình bày***: Nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây là của bà S vợ ông C chế độ củ làm chủ trước giải phóng. Năm 1960 có 06 gia đình đến thuê đất bà S từ hướng Bắc đến hướng Nam, mỗi người chiều ngang là 13m, còn chiều dài thì tùy theo dòng sông cong hay thẳng, sắp xếp theo thứ tự từ Bắc là ông Lê Văn Th, đến ông Lê Hồng X (Cha bị đơn ông Lê Văn H), đến ông Lê Văn B, đến cha ông là ông Nguyễn Văn H, đến ông Lê Văn M và đến ông Lê Văn Kh.

Sau đó các đương sự tự phá lâm và canh tác, mạnh ai nấy lấn qua lấn lại nên có phần chênh lệch và mỗi người phải nộp cho bà S 01 năm là 50đ. Năm 1965, ông Th là ông nội của ông Đ bỏ sừ đi vào Thông B, huyện T sinh sống. Năm 1970 ông B cũng bỏ sừ đi nơi khác, nên ông X đóng thuế cho bà S 02 phần là đất của ông B và đất của ông Th là 100đ, nên đất của ông X được canh tác có chiều ngang là 39m.

Khoảng năm 1980 gia đình ông K (cha của bị đơn ông Lê Tấn Đ) về ở nhờ trên đất của ông H, sau đó ông Đ cất nhà lấn qua phần đất của ông ngang 0,5m, chiều dài 12,5m. Năm 1999, ông X lấn chiếm qua phần đất của ông nên chiều ngang chỉ còn lại 12,5m, chiều dài 200m và lấy luôn hàng cây me tây của

ông. Nay ông X chết để lại cho ông H quản lý, sử dụng lấn ranh qua đất của ông, ranh đất không rõ ràng, ông đóng trụ ranh ngang 12,5m thì ông H không đồng ý. Đồng thời ông H còn lợi dụng tình hình để nói con ông là Nguyễn Phước T đưa 11.000.000đ để trả lại ranh, khi đó ông đi làm ăn ở Tây Ninh nên không rõ chính xác sự việc, tiền này là của ông đưa cho ông T.

Nay ông yêu cầu ông Lê Văn H và ông Lê Tấn Đ phải di dời tại sản, nhà và công trình trên đất để trả lại cho ông phần đất lấn chiếm diện tích là 92,4m², trong đó ông Đ diện tích là 15,9m² và ông H diện tích là 76,5m², đất thuộc thửa số 226 và thửa số 21, cùng tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại khóm Còng C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời, yêu cầu ông H trả lại cho ông số tiền 11.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ông yêu cầu Tòa án xác định ranh đất cho hai bên để các bên sử dụng ổn định là từ mốc 02 đến mốc 06 theo Sơ đồ đo đạc của Tòa án. Đối với các cây trồng trên đất là cây mọc tự nhiên, Tòa án giải quyết đất cho ai thì cây trồng thuộc về người đó.

Ngoài ra ông có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Lê Văn Th (Giáp ranh với phần đất tranh chấp) trả lại ông diện tích đất mà ông Th bao chiếm dài cạnh thứ nhất là 9,47m, cạnh thứ hai là 2,7m, ngang 12,5m.

- Bị đơn trình bày:

+ Ông Lê Văn H trình bày: Ông không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Vì, nguồn gốc đất là của cha ông là ông Lê Hùng X chết để lại, giữa đất của ông và đất của ông Đ có hàng me tây (còng) làm ranh đất, hàng me tây này có từ rất lâu, do cha ông trồng và các bên đã quản lý, sử dụng ổn định ranh đất của mình từ lâu rồi cho tới nay.

Đối với số tiền 11.000.000đ mà ông Đ khởi kiện đòi lại số tiền này ông nhận từ ông Nguyễn Phước T (con ông Đ), lý do ông T đưa số tiền này là vì vào khoảng năm 2018 ông Đ và ông T yêu cầu ông thống nhất ranh đất giữa hai bên để ông Đ làm lại giấy chứng nhận QSD đất cho ổn định. Lúc ông T đưa tiền cho ông thì ông Đ không có nhà và không biết ông Đ đi đâu. Sau khi bàn bạc thì ranh đất mà hai bên thống nhất là từ mốc 2, đến mốc 1 và đến mốc 5 theo Sơ đồ đo đạc của Tòa án, do ranh này chưa tới hàng me tây của ông nên ông Đ phải đưa cho ông 11.000.000đ. Sau đó ông T tự trồng trụ đá theo ranh thỏa thuận này.

Nay ông yêu cầu ông Đ phải di dời các tài sản, nhà và công trình trên đất để trả lại cho ông phần đất mà ông Đ lấn chiếm diện tích là 77,1m², đất thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại khóm Còng C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Ông yêu cầu xác định ranh đất cho hai bên để hai bên sử dụng ổn định là từ mốc 03 đến mốc 04 theo Sơ đồ đo đạc của Tòa án. Ông thống nhất trả lại số tiền 11.000.000đ đã nhận cho ông Đ. Trong trường hợp nếu ông Đ thống nhất lấy theo ranh mà vào năm 2018 các bên đã thỏa thuận thì ông cũng thống nhất, yêu cầu Tòa án xác định ranh đất này cho hai bên, với điều kiện là ông không trả lại cho ông Đ 11.000.000đ.

+ **Ông Lê Tấn Đ trình bày:** Ông không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ, ông thống nhất với yêu cầu và lời trình bày của ông Lê Văn H, vì nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lê Hùng X (em ruột ông nội ông) để lại. Phần đất ông đang ở trong đó có một phần đất tranh chấp là do ông Lê Văn H đứng tên giấy chứng nhận QSD đất và ông H đã tặng cho ông, do tranh chấp với ông Đ nên chưa đi làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận QSD đất được. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo yêu cầu của ông H để xác định ranh đất rõ ràng. Chừng nào xong thì ông và ông H sẽ tự đi làm thủ tục sang tên trong giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật.

Tại bản án DSST số: 38/2022/DSST ngày 19/8/2022 của Tòa án thành phố H tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phước Đ;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Văn H;

3. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 19 và 20, cùng tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp hiện ông Nguyễn Phước Đ, ông Lê Văn H và ông Lê Tấn Đ đang quản lý sử dụng là đoạn thẳng nối từ mốc 2 đến mốc 1 và đến mốc 5 theo sơ đồ đo đạc số: 16/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ TPHN 2020 ngày 30/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ lòng đất đến không gian, tài sản của bên người nào lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

Đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, điều chỉnh, đăng ký biến động đối với diện tích đất được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kèm theo Bản án này là Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ đo đạc số: 16/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ TPHN 2020 ngày 30/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Phước Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Lê Văn H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp là 963.500đ, theo biên lai thu số 0008911 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Ông H được nhận lại 663.500đ tiền tạm ứng án phí chênh lệch đã nộp.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 3.700.000đ, nguyên đơn Nguyễn Phước Đ và bị đơn ông Lê Văn H phải chịu mỗi người là 50%. Như vậy, ông Đ chịu 1.850.000đ (đã nộp và chi xong). Ông H phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 1.850.000đ (do ông Đ đã tạm ứng chi).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/8/2022 ông Nguyễn Phước Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, ông yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông H, ông Đ phải trả lại phần đất lấn chiếm cho ông diện tích 92,4m².

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Phước Đ vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Phước Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Đ yêu cầu ông H, ông Đ trả lại diện tích lấn chiếm là 92,4m² (trong đó ông Đ diện tích là 15,9m², ông H diện tích là 76,5m²) gồm các mốc 2, 6 theo sơ đồ đo đạc và 11.000.000đ anh T đã đưa cho ông H để thỏa thuận xác định ranh giới quyền sử dụng đất mà hai bên đã sử dụng thực tế để ông Đ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi ông Đ khởi kiện yêu cầu xác định lại ranh giới quyền sử dụng giữa hai bên và yêu cầu ông H phải trả lại 11.000.000đ mà anh T đã giao cho ông H để thỏa thuận ranh sử dụng thực tế để đi đăng ký quyền sử dụng đất, nên ông H có yêu cầu phản tố nếu ông Đ thống nhất theo ranh giới trước đây mà hai bên đã thỏa thuận sử dụng thực tế theo các mốc 2, 1, 5 vì trước đây giữa hai bên cũng đã thỏa thuận xong và anh T đã giao tiền cho ông, nên ông cũng đã đồng ý để xác định vị trí ranh giới xong, nếu ông Đ không đồng ý theo ranh giới đã thỏa thuận thống nhất trước đây thì ông yêu cầu ông Đ trả lại diện tích lấn chiếm là 77,1m² gồm các mốc 3, 4 theo sơ đồ đo đạc và ông đồng ý trả lại 11.000.000đ

mà anh T đưa cho ông để thỏa thuận xác định ranh sử dụng thực tế với nhau tại thời điểm đã thỏa thuận.

[2] Theo sơ đồ đo đạc ngày 30/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H thể hiện trong phần diện tích đất đang tranh chấp theo yêu cầu của ông Đ từ mốc 2, mốc 6 có dính một phần căn nhà của ông Đ đang sử dụng diện tích là 15,9m² và 03 phần mộ (mã) của vợ, anh và cháu của ông H diện tích là 3,7m².

Đối với yêu cầu phản tố của ông H yêu cầu xác định ranh giới giữa hai bên từ mốc 3 đến mốc 4 diện tích là 77,1m² theo sơ đồ đo đạc, trong phần diện tích đất này có dính một phần ngôi nhà của ông Đ trên diện tích là 8,7m².

Ranh giới QSD đất mà hiện nay các bên đang quản lý sử dụng là từ mốc 2, mốc 1, mốc 5, là theo ranh giới các bên đã thỏa thuận sử dụng thực tế từ năm 2018 khi đó các bên cũng có sự trao đổi với nhau, vì hiện tại lúc đó ranh giới giữa các bên thỏa thuận đã có cất nhà và khu mộ của gia đình ông H trên phần đất mà các bên thỏa thuận xác định ranh giới và để tiện cho việc gia đình ông Đ đi làm thủ tục cấp giấy, nếu theo yêu cầu của ông Đ xác định ranh giới từ mốc 2, mốc 6 thể hiện trên sơ đồ là dính một phần căn nhà của ông Đ đang sử dụng diện tích là 15,9m² và 03 phần mộ (mã) của gia đình ông H đang chôn cất trên diện tích là 3,7m², nên án sơ thẩm xác định ranh giới giữa các bên là từ mốc 2, mốc 1, mốc 5 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H là hoàn toàn phù hợp với thực tế các bên đã thỏa thuận ranh giới đã sử dụng lúc ban đầu.

[3] Theo xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H tại Công văn số 310/CNVPĐKĐĐ ngày 02/3/2022 thì phần đất tranh chấp này thuộc một phần thửa số 19 và 20, cùng tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khóm C, phường A, thành phố H (tuy nhiên, qua đối chiếu lại với bản đồ 299 thuộc tờ bản đồ số 02 thì không xác định được số thửa chính xác để xác định đã được cấp giấy lần đầu hay chưa thì không được rõ) và không xác định được diện tích từng thửa là bao nhiêu và tại Công văn số 4170/UBND.HC ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H xác định phần diện tích đất tranh chấp là của người sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Do đó, xét thấy hiện trạng hiện nay các bên đương sự đã quản lý, sử dụng phần đất của mình ổn định từ trước tới nay, cả hai bên đã xây dựng nhà ở, nhà của ông Đ xây dựng trước vào năm 1986, nhà của ông Đ xây dựng sau vào năm 2000, hai căn nhà này đều được xây dựng trên phần đất của mình, giữa hai nhà này đã có ranh giới rõ ràng. Đồng thời trên phần đất tranh chấp mà ông Đ yêu cầu thì phía ông H đã có lập, xây dựng các phần mộ (mã) chôn cất thân nhân trong gia đình và theo lời trình bày của ông Đ cũng cho rằng hai bên đã quản lý sử dụng ranh theo hiện trạng này từ 1975 cho tới nay, sử dụng theo nhu cầu thực tế của hai bên và ông H cũng trình bày giữa hai bên cũng đã quản lý, sử dụng ranh giới theo hiện trạng từ khi thỏa thuận ranh giới chung với nhau xong.

Theo lời khai của những người làm chứng ở gần phần đất tranh chấp trình bày thì thấy hai bên đương sự sử dụng đất ổn định từ trước tới nay theo ranh

hiện trạng mà các bên đang quản lý, sử dụng, không ai lấn chiếm ai. Còn các cây me tây trồng trên đất là của cha ông H trồng để làm ranh cho hai bên. Còn sau này các bên thỏa thuận như thế nào thì những người này không biết.

[4] Vào năm 2018 khi ông Nguyễn Phước T (là con của ông Đ) và ông H có thống nhất thỏa thuận ranh giới đất với nhau là để cho gia đình làm lại giấy chứng nhận QSD đất và ông T có đưa cho ông H số tiền là 11.000.000đ (là tiền của ông Đ) để thỏa thuận về việc ranh giới mà thực tế hai bên đang sử dụng. Theo ông Đ trình bày ranh đất mà hai bên thỏa thuận là ranh mà ông xác định yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông H trình bày ranh đất mà hai bên thỏa thuận là ranh theo hiện trạng sử dụng hiện nay. Xét thấy, lời trình bày của ông H là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với lời khai của các người làm chứng là hàng cây me tây đều do cha ông H trồng, nên khi thỏa thuận ranh thì đất chưa tới hàng cây me tây này nên phía ông Đ mới trả cho ông H 11.000.000đ, vì hàng cây me tây (còng) này là của ông H, được trồng trên đất của ông H. Các tài liệu, chứng cứ mà ông Đ cung cấp và yêu cầu Tòa án thu thập không chứng minh được cho yêu cầu và lời trình bày của ông, nên án sơ thẩm không chấp nhận lời trình bày của ông Đ là có căn cứ. Vì, xét về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất hiện nay của các bên, để đảm bảo cho quá trình sử dụng đất được ổn định lâu dài, nên án sơ thẩm xác định ranh giới quyền sử dụng đất khi các bên tự nguyện thỏa thuận vào năm 2018 là phù hợp và ông H không phải trả lại số tiền cho ông Đ là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy án sơ thẩm xử là hoàn toàn có căn cứ, nên xét đơn kháng cáo của ông Đ là không có căn cứ chấp nhận, nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông Đ phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng do ông Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn theo quy định pháp luật, nên miễn tiền án phí phúc thẩm cho ông Đ.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 166; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ, khoản 1, Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Phước Đ.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 38/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.
3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phước Đ;
4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Văn H;

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 19 và 20, cùng tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khóm Công C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp hiện ông Nguyễn Phước Đ, ông Lê Văn H, ông Lê Tấn Đ đang quản lý sử dụng là đoạn thẳng nối từ mốc 2 đến mốc 1 và đến mốc 5 theo sơ đồ đo đạc số: 16/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ TPHN 2020 ngày 30/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ lòng đất đến không gian, tài sản của bên người nào lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

Đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, điều chỉnh, đăng ký biến động đối với diện tích đất được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ đo đạc số: 16/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ TPHN 2020 ngày 30/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Phước Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Lê Văn H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp là 963.500đ, theo biên lai thu số 0008911 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Ông H được nhận lại 663.500đ tiền tạm ứng án phí chênh lệch đã nộp.

6. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 3.700.000đ, nguyên đơn Nguyễn Phước Đ và bị đơn ông Lê Văn H phải chịu mỗi người là 50%. Như vậy, ông Đ chịu 1.850.000đ (đã nộp và chi xong). Ông H phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 1.850.000đ (do ông Đ đã tạm ứng chi).

7. Án phí phúc thẩm: Miễn tiền án phí cho ông Nguyễn Phước Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. H;
- TAND TP. H;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội